TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Cử

Thư ký phiên họp: Ông Linh Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết dân sự thụ lý số 322/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 về yêu cầu "*Hủy việc kết hôn trái pháp luật*" theo Quyết định mở phiên họp số 02/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Chị Ly Thị M, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Tuyên Quang (Nay là thôn M, xã B, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Thông N, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Tuyên Quang (Nay là thôn M, xã B, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt.

- UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Hoàng Thế D – Chuyên viên Văn phòng HĐND, UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày 06 tháng 5 năm 2026 của người yêu cầu chị Ly Thị M và những tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang) cấp số 12 ngày 07/3/2023 và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán địa phương. Thời điểm đi đăng ký kết hôn thì anh N thì mang Căn cước công dân số 002098009xxx, do Cục Cảnh sát về trật tự xã hội cấp ngày 13/5/2021; chị M thì mang theo Căn cước công dân số 002305006xxx, do Cục Cảnh sát về trật tự xã hội cấp ngày 13/05/2021. Nhưng

sau khi kết hôn một thời gian đến khi làm giấy tờ để đi làm công ty thì chị M mới thấy trong căn cước công dân của chị M được cấp lại khi không đúng với ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh của chị M (Ngày tháng năm sinh đúng của chị M là 14/5/2006). Do vậy, chị M đã đề nghị Công an cấp lại Căn cước công dân mới có số 002306003xxx, cấp ngày 28/3/2025, đối với căn cước cũ của chị M do sai sót nên đã bị thu hồi. Đối chiếu với quy định của pháp luật và ngày tháng năm sinh thực tế của chị M thì thời điểm chị M và anh N đăng ký kết hôn thì chị Ly Thị M chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 9 tháng 21 ngày). Xét thấy trong quá trình chung sống chị M và anh N cũng phát sinh nhiều mẫu thuẫn và để đảm bảo thống nhất và đúng với quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn nên chị M yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh Hoàng Thông N để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh N có 01 con chung là cháu Hoàng Quang M1, sinh ngày 07/9/2024. Quan điểm của chị M là chị M sẽ là người chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M1 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh Hoàng Thông N thể hiện: Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, quá trình đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Thời điểm đi đăng ký kết hôn nếu theo giấy tờ mà anh, chị M cung cấp cho UBND xã thì anh, chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng sau khi kết hôn một thời gian đến khi làm giấy tờ để đi làm thì anh mới thấy trong giấy khai sinh của chị Ly Thị M lại thể hiện chị M, sinh ngày 14/05/2006. Do vậy, chị M đã đề nghị Công an cấp lại Căn cước công dân mới có số 002306003xxx, cấp ngày 28/3/2025, còn căn cước cũ của chị M đã bị thu hồi. Đối chiếu với quy định của pháp luật và ngày tháng năm sinh thực tế của chị M thì thời điểm anh và chị M đăng ký kết hôn chị M chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 9 tháng 21 ngày). Trong quá trình chung sống với chị M anh N cũng xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không thể khắc phục, việc chị M đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang hủy kết hôn trái pháp luật với anh, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị M 01 con chung là cháu Hoàng Quang M1, sinh ngày 07/9/2024. Quan điểm của anh N là chị M sẽ nuôi cháu M1 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau: Ngày 07/3/2023 UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (cũ) đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Ly Thị M, sinh ngày 21/02/2005 và anh Hoàng Thông N, sinh ngày 11/9/1998. Thời điểm chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đến để làm thủ tục đăng ký kết hôn đã cung cấp cho UBND xã Ng: 01 Căn cước công dân số 002305006xxx mang tên Ly Thị M, sinh ngày 21/02/2005, do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 13/05/2021 và 01 Căn cước công dân số 002098009xxx mang tên Hoàng Thông N, sinh ngày 11/9/1998, do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 13/5/2021. Căn cứ vào việc kê khai thông tin và các giấy tờ nhân thân mà công dân đã cung cấp, đối chiếu

với quy định của pháp luật thì chị M và anh N đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (cũ) đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N. Tuy nhiên, do có sự sai sót về ngày tháng năm sinh trong căn cước công dân nên chị Ly Thị M đã bị thu hồi căn cước công dân cũ và được cấp căn cước mới theo ngày tháng năm sinh đúng trong giấy khai sinh. Việc chị M thay đổi lại thông tin không thông báo lại với Ủy ban nhân dân xã B để làm lại các thủ tục về nhân thân, hộ tịch nên UBND xã B không nắm được thông tin và vẫn giữ nguyên Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 07/3/2023 đã cấp cho chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N. Nay chị Ly Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đã được UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (cũ) đăng ký kết hôn ngày 07/3/2023 UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án Khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công văn số 186/CV-CAX ngày 21/7/2026 của công an xã B về việc cung cấp thông tin, tài liệu của công dân thể hiện: Chị Ly Thị M, sinh ngày 14/5/2006, hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn P (nay là thôn M1), xã B, tỉnh Tuyên Quang có 02 số định danh cá nhân (căn cước công dân) gồm: (1) Số Căn cước công dân 002305006xxx do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 13/05/2021 và (2) 0023306003116 do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 28/3/2025. Do hiện nay chị M đang đi làm thuê không có mặt tại địa bàn nên không xác định được nguyên nhân, lý do chị M có 02 số Căn cước công dân.

Quá trình Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ và xác minh tại địa phương đã làm rõ: Chị Ly Thị M, sinh ngày 21/02/2005 và anh Hoàng Thông N, sinh ngày 11/9/1998 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng kí kết hôn tại UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (cũ), ngày xác lập quan hệ hôn nhân: 07/3/2023, số vào sổ 12. Thời điểm chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đến để làm thủ tục đăng ký kết hôn đã cung cấp cho UBND xã Ng: 01 Căn cước công dân số 002305006xxx mang tên Ly Thị M, sinh ngày 21/02/2005, do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 13/05/2021 và 01 Căn cước công dân số 002098009xxx mang tên Hoàng Thông N, sinh ngày 11/9/1998, do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 13/5/2021. Căn cứ vào giấy khai sinh gốc và ngày tháng năm sinh đúng của chị Ly Thị M là ngày 14/5/2006 thì thời điểm chị M và anh N đăng ký kết hôn (ngày 07/3/2023) thì chị Ly Thị M chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 9 tháng 21 ngày).

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn yêu cầu, bản tự khai đã cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc hôn nhân gia đình về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ việc: Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; 367, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang:

Chấp nhận yêu cầu của chị Ly Thị M về việc Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Ly Thị M, sinh ngày 21/02/2005 và anh Hoàng Thông N, sinh ngày 11/9/1998 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 07 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang) cấp.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Quang M1, sinh ngày 07/9/2024 cho chị Ly Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thông N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về lệ phí: Chị Ly Thị M không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N hiện cư trú tại thôn P (nay là thôn M1), xã B, tỉnh Tuyên Quang và việc đăng ký kết hôn của anh, chị được thực hiện tại UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên hợp vắng mặt người yêu cầu là chị Ly Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Thông N và UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang có lý do *(có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)*. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị Ly Thị M (sinh ngày 21/02/2005) kết hôn với anh Hoàng Thông

N (sinh ngày 11/9/1998) ngày 07/3/2023 trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND Ng, huyện V, tỉnh H (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 vào ngày 07/3/2023. Căn cứ thông tin cá nhân do chị M, anh N cung cấp tại thời điểm đăng ký kết hôn thì Ủy ban nhân dân xã Ng thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại thông tin ngày tháng năm sinh của chị Ly Thị M tại căn cước công dân số 002305006xxx, cấp ngày 13/05/2021 không đúng với ngày tháng năm sinh thực tế của chị M, căn cứ Giấy khai sinh (BL 23) và các tài liệu, chứng cứ chứng minh nhân thân khác của chị M thể hiện ngày tháng năm sinh đúng của chị Ly Thị M là ngày 14/5/2006. Do vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật thời điểm chị M và anh N đăng ký kết hôn (ngày 07/3/2023) thì chị Ly Thị M được 16 tuổi 9 tháng 21 ngày, anh Hoàng Thông N được 24 tuổi 05 tháng 24 ngày đã vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 về điều kiện kết hôn *"Nam từ đủ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ đủ mười tám tuổi trở lên"*. Do vậy, yêu cầu của chị Ly Thị M và ý kiến của anh Hoàng Thông N; Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 07/3/2023 là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Đến thời điểm hiện tại, chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đã đủ điều kiện kết hôn nhưng trong quá trình chung sống, chị M, anh N có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, đồng thời chị M, anh N đều nhất trí hủy kết hôn trái pháp luật; căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N.

[5] Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Do việc kết hôn giữa chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N là trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5.1] Về con chung: Chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đều xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung là Hoàng Quang M1, sinh ngày 07/9/2024. Chị M và anh N tự nguyện thỏa thuận, sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, chị Ly Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5.2] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Ly Thị M không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[7] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; 367, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 14, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Ly Thị M: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N đã được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ng, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 07/03/2023.

2. Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Chị Ly Thị M và anh Hoàng Thông N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật chị Ly Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Quang M1, sinh ngày 07/9/2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Ly Thị M không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã B, Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ngọc Cử